



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tài chính - Tín dụng - MH1104116

Mã lớp học phần: MH110411601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	Ánh	7,0	Bảy rưỡi	C22KT1	
2	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	Băng	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
3	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2020	Bích	8,0	Tám	C22KT1	
4	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	Gấm	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
5	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	Hương	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
6	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	Loan	8,0	Tám	C22KT1	
7	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	Luân	6,5	Sáu rưỡi	C22KT1	
8	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	Mai	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
9	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	Ngân	8,0	Tám	C22KT1	
10	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	Oanh	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
11	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	Oanh	6,5	Sáu rưỡi	C22KT1	
12	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	Sương	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
13	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	Thanh	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
14	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	Thảo	8,0	Tám	C22KT1	
15	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	The	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
16	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	Thịnh	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
17	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	Thùy	7,0	Bảy	C22KT1	
18	2010110002	Vi Thị Minh Thư	20/11/2000	Thư	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
19	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	Thy	8,0	Tám	C22KT1	
20	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	Tiên	8,0	Tám	C22KT1	
21	2010110021	Nguyễn Thị Quế Trân	11/12/2002	Trân	8,0	Tám	C22KT1	
22	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	Xuân	8,0	Tám	C22KT1	
23	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yến	28/10/2002	Yến	8,0	Tám	C22KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0. Số bài thi: 23 / 23.

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 01 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tài chính - Tín dụng - MH1104116

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	Ánh	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
2	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	TB	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
3	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2020	Bích	8,0	Tám	C22KT1	
4	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	Gấm	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
5	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	Hương	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
6	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	Loan	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
7	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	Luân	6,5	Sáu rưỡi	C22KT1	
8	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	Mai	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
9	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	Ngân	8,0	Tám	C22KT1	
10	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	Oanh	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
11	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	Oanh	6,5	Sáu rưỡi	C22KT1	
12	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	Sương	8,0	Tám	C22KT1	
13	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	Thanh	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
14	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	Thảo	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
15	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	The	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
16	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	Thịnh	8,0	Tám	C22KT1	
17	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	Thùy	7,5	Bảy rưỡi	C22KT1	
18	2010110002	Vì Thị Minh Thư	20/11/2000	Thư	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
19	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	Thy	8,0	Tám	C22KT1	
20	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	Tiên	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
21	2010110021	Nguyễn Thị Quế Trân	11/12/2002	Trân	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
22	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	Xuân	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	
23	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yến	28/10/2002	Yến	8,5	Tám rưỡi	C22KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 Số bài thi: 23 / 23

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày in: 10:18 28/01/2021

Ngày 08 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tài chính - Tín dụng - MH1104116

Mã lớp học phần: MH110411601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110043	Phan Hồng Ánh	24/10/2002		8,0	Tám	C22KT2	
2	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
3	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002		6,5	Sáu rưỡi	C22KT2	
4	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
5	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000		8,0	Tám	C22KT2	
6	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
7	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002		8,0	Tám	C22KT2	
8	2010110040	Võ Nhựt Minh	29/08/2001		8,0	Tám	C22KT2	
9	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
10	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002		8,0	Tám	C22KT2	
11	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002		7,0	Bảy	C22KT2	
12	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002		8,0	Tám	C22KT2	
13	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002		8,0	Tám	C22KT2	
15	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002		8,0	Tám	C22KT2	
16	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002		8,0	Tám	C22KT2	
17	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
18	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002		7,0	Bảy	C22KT2	
19	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000		8,0	Tám	C22KT2	
20	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/10/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001		7,0	Bảy	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 01 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tài chính - Tín dụng - MH1104116

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110043	Phan Hồng Anh	24/10/2002		8,0	Tám	C22KT2	
2	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001		8,0	Tám	C22KT2	
3	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002		6,5	Sáu rưỡi	C22KT2	
4	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
5	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000		8,0	Tám	C22KT2	
6	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002		8,0	Tám	C22KT2	
7	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002		8,0	Tám	C22KT2	
8	2010110040	Võ Nhật Minh	29/08/2001		8,0	Tám	C22KT2	
9	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
10	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002		8,5	Tám rưỡi	C22KT2	
11	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002		7,0	Bảy	C22KT2	
12	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002		8,0	Tám	C22KT2	
13	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002		8,0	Tám	C22KT2	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002		8,0	Tám	C22KT2	
15	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002		8,0	Tám	C22KT2	
16	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002		8,5	Tám rưỡi	C22KT2	
17	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
18	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002		6,5	Sáu rưỡi	C22KT2	
19	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000		8,0	Tám	C22KT2	
20	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/10/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001		7,5	Bảy rưỡi	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002		8,0	Tám	C22KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0. Số bài thi: 23 / 23.

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày: 10 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiên Thống Minh

Ngày 08 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tài chính - Tín dụng - MH1104116

Mã lớp học phần: MH110411601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: Chu

Giám thị 2: Trương Thị Thu Ký tên: Thu

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	<u>Ánh</u>				C22KT1	
2	2010110043	Phan Hồng Ánh	24/10/2002	<u>Ánh</u>				C22KT2	
3	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	<u>Băng</u>				C22KT1	
4	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2020	<u>Bích</u>				C22KT1	
5	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001	<u>Diệu</u>				C22KT2	
6	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002	<u>Duyên</u>				C22KT2	
7	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	<u>Gấm</u>				C22KT1	
8	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002	<u>Hà</u>				C22KT2	
9	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000	<u>Hiền</u>				C22KT2	
10	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002	<u>Huyền</u>				C22KT2	
11	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	<u>Hương</u>				C22KT1	
12	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	<u>Loan</u>				C22KT1	
13	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	<u>Luân</u>				C22KT1	
14	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002	<u>Mai</u>				C22KT2	
15	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	<u>Mai</u>				C22KT1	
16	2010110040	Võ Nhật Minh	29/08/2001	<u>Minh</u>				C22KT2	
17	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	<u>Ngân</u>				C22KT1	
18	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002	<u>Nhi</u>				C22KT2	
19	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002	<u>Nhi</u>				C22KT2	
20	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002	<u>Nhung</u>				C22KT2	
21	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002	<u>Như</u>				C22KT2	
22	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	<u>Oanh</u>				C22KT1	
23	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	<u>Oanh</u>				C22KT1	
24	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002	<u>Phương</u>				C22KT2	
25	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	<u>Sương</u>				C22KT1	
26	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002	<u>Thanh</u>				C22KT2	
27	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	<u>Thanh</u>				C22KT1	
28	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	<u>Thảo</u>				C22KT1	
29	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	<u>The</u>				C22KT1	
30	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	<u>Thịnh</u>				C22KT1	
31	2010110002	Vì Thị Minh Thư	20/11/2000	<u>Thư</u>				C22KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 31 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯ

KH

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tài chính - Tín dụng

Mã bài thi: HQ31SA

Thời gian thi: 06/04/2021 15:15:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 16:15:00

Giám thị 1: Lê Thị Sơn Ký tên: kh

Giám thị 2: Nguyễn Ngọc Thu Ký tên: Thu

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	<u>Ánh</u>	6.4	Sáu, bốn	C22KT1	
2	2010110043	Phan Hồng Ánh	24/10/2002	<u>Ánh</u>	7	Bảy	C22KT2	
3	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	<u>Băng</u>	6	Sáu	C22KT1	
4	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2001	<u>Bích</u>	6.2	Sáu, hai	C22KT1	
5	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001	<u>Diệu</u>	5.8	Năm, tám	C22KT2	
6	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002	<u>Duyên</u>	5.6	Năm, sáu	C22KT2	
7	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	<u>Gấm</u>	4.6	Bốn, sáu	C22KT1	
8	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002	<u>Hà</u>	6.4	Sáu, bốn	C22KT2	
9	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000	<u>Hiền</u>	7	Bảy	C22KT2	
10	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	<u>Hương</u>	5.4	Năm, bốn	C22KT1	
11	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002	<u>Huyền</u>	5.8	Năm, tám	C22KT1	
12	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	<u>Loan</u>	6.8	Sáu, tám	C22KT1	
13	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	<u>Luân</u>	6.2	Sáu, hai	C22KT1	
14	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	<u>Mai</u>	6.2	Sáu, hai	C22KT1	
15	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002	<u>Mai</u>	6.2	Sáu, hai	C22KT2	
16	2010110040	Võ Nhật Minh	29/08/2001	<u>Minh</u>	6	Sáu	C22KT2	
17	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	<u>Ngân</u>	7.4	Bảy, bốn	C22KT1	
18	2010110034	Nguyễn Yên Nhi	27/01/2002	<u>Nhi</u>	8	Tám	C22KT1	
19	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002	<u>Nhi</u>	6.4	Sáu, bốn	C22KT2	
20	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002	<u>Như</u>	6.6	Sáu, sáu	C22KT2	
21	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002	<u>Nhung</u>	6.6	Sáu, sáu	C22KT1	
22	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	<u>Oanh</u>	5.6	Năm, sáu	C22KT1	
23	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	<u>Oanh</u>	5	Năm	C22KT1	
24	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002	<u>Phương</u>	3.6	Ba, sáu	C22KT2	
25	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	<u>Sương</u>	7.4	Bảy, bốn	C22KT1	
26	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	<u>Thanh</u>	5.2	Năm, hai	C22KT1	
27	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002	<u>Thanh</u>	4.8	Bốn, tám	C22KT2	
28	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	<u>Thảo</u>	6.6	Sáu, sáu	C22KT1	
29	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	<u>The</u>	6.8	Sáu, tám	C22KT1	
30	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	<u>Thịnh</u>	6	Sáu	C22KT1	
31	2010110002	Vì Thị Minh Thư	20/11/2000	<u>Thư</u>	4.6	Bốn, sáu	C22KT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 31

Số sinh viên đạt: 30

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tài chính - Tín dụng - MH1104116

Mã lớp học phần: MH110411601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: P. T. Tường

Ký tên: P. T. Tường

Giám thị 2: P. Q. Sa'ng

Ký tên: P. Q. Sa'ng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	<u>Thuy</u>				C22KT1	
2	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	<u>Thy</u>				C22KT1	
3	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	<u>Ti</u>				C22KT1	
4	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002	<u>Trang</u>				C22KT2	
5	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002	<u>Tram</u>				C22KT2	
6	2010110021	Nguyễn Thị Quê Trâm	11/12/2002	<u>Tram</u>				C22KT1	
7	2010110035	Trần Thị Tiểu Trâm	06/05/2002	<u>Tram</u>				C22KT2	
8	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002	<u>Trinh</u>				C22KT2	
9	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000	<u>Trinh</u>				C22KT2	
10	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/10/2002	<u>Trinh</u>				C22KT2	
11	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002	<u>Uyen</u>				C22KT2	
12	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001	<u>Vu</u>				C22KT2	
13	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002	<u>Vy</u>				C22KT2	
14	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	<u>Xuan</u>				C22KT1	
15	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yên	28/10/2002	<u>Yen</u>				C22KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 15 / 15 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Trần Thị Tuyền

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tài chính - Tín dụng

Mã bài thi: 4BAS0R

Thời gian thi: 06/04/2021 15:15:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 16:15:00

Giám thị 1: P.T. Tường Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: P.C. Thảo Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	<u>Thuy</u>	5.6	Năm, sáu	C22KT1	
2	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	<u>Thy</u>	5.4	Năm, bốn	C22KT1	
3	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	<u>Thy</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT1	
4	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002	<u>Tram</u>	8	Tám	C22KT1	
5	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002	<u>Tran</u>	6.2	Sáu, hai	C22KT1	
6	2010110021	Nguyễn Thị Quế Trân	11/12/2002	<u>Quế</u>	6	Sáu	C22KT1	
7	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002	<u>Trang</u>	6.4	Sáu, bốn	C22KT1	
8	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/01/2002	<u>Trinh</u>	6	Sáu	C22KT2	
9	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002	<u>Trinh</u>	6.4	Sáu, bốn	C22KT2	
10	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000	<u>Trinh</u>	4.8	Bốn, tám	C22KT1	
11	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002	<u>Uyen</u>	7	Bảy	C22KT1	
12	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001	<u>Vu</u>	4	Bốn	C22KT2	
13	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002	<u>Vy</u>	7.6	Bảy, sáu	C22KT2	
14	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	<u>Xuan</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT1	
15	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yến	28/10/2002	<u>Yen</u>	4.8	Bốn, tám	C22KT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 15

Số sinh viên đạt: 15

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Yến